

Bản án số: 44/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-10-2019

V/v tranh chấp về ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU', TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa

2. Ông Phạm Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thu', tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thu', tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hữu D**, sinh năm 1973;

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị S (tên gọi khác T), sinh năm 1977

Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Ông D có mặt, bà X vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu D trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị X tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 13/12/1997. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn L, xã M, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, bà X làm ăn thua lỗ nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình và họ hàng đã tích cực hòa giải, động viên ông bà nhưng không có kết quả. Đến cuối năm 2013 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, bà X nọ nân bỏ nhà đi nên ông bà sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân của ông bà không có khả năng hàn gắn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà X.

Về con chung: Ông và bà X có 02 con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 20/6/1998 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/7/2000. Hiện nay cả 02 con chung đều đã đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông và bà X không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị X** đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để nộp bản tự khai, trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông D, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa, nhưng bà X đều vắng mặt không lý do. Vì vậy bà X không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

*** Bà Nguyễn Thị S (tên gọi khác T) là em gái của bà Nguyễn Thị X trình bày:** Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống như ông D trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã nhất là về vấn đề chi tiêu kinh tế. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào cuối năm 2013 do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Gia đình bà có hòa giải cho hai vợ chồng nhưng không đoàn tụ được. Đến nay ông D có đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn vì thực tế vợ chồng đã chấm dứt quan hệ từ lâu, không còn tình cảm, cũng không thể hàn gắn được nữa. Về con chung: Ông D và bà X có 02 con chung như ông D trình bày, hiện nay hai cháu đã trưởng thành không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần. Về tài sản chung: Ông D và bà X không có tài sản gì chung. Theo bà biết thì vợ chồng không có vay nợ gì của ai, không cho ai vay nợ chung tài sản gì. Bà X vẫn liên lạc với bà có nói lại với bà là đã nhận được thông báo về

việc Tòa án thụ lý giải quyết việc ông D xin ly hôn, bà X cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm gì và nhất trí ly hôn nhưng bà bận việc không về Tòa án được.

*** Anh Nguyễn Minh H là con chung của ông D và bà X trình bày:** Anh là con trai của bà X và ông D. Bố mẹ anh sống hòa thuận, hạnh phúc tại xã M, huyện V đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là vào cuối năm 2013 do làm ăn thua lỗ nên bố mẹ anh đã sống ly thân từ đó đến nay. Đến nay bố anh có đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bố anh vì bố mẹ anh không thể đoàn tụ cùng nhau được nữa. Bố mẹ anh có 02 con chung là Nguyễn Quang H, sinh năm 1998 và anh, hiện nay hai anh em anh đã trưởng thành tự lập về kinh tế. Hiện tại mẹ anh không có mặt tại địa phương, thỉnh thoảng mẹ anh có về nhưng chỉ về một chốc lát là lại đi. Khi bố anh làm đơn xin ly hôn mẹ anh có biết nhưng mẹ anh bận việc không về Tòa án được.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu của ông D; Xử cho ông D được ly hôn bà X. Về quan hệ con chung: không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu. Án phí: Ông D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị X được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, kinh tế làm ăn thua lỗ. Bà X đã bỏ nhà đi từ cuối năm 2013, ông bà sống ly thân từ đó đến nay. Khi mâu thuẫn của

ông bà xảy ra, gia đình hai bên đã hòa giải cho ông bà nhưng không có kết quả. Trình bày quan điểm với Tòa án, ông D, bà Nguyễn Thị S là em gái của bà Nguyễn Thị X, anh Nguyễn Minh H là con chung của ông D và bà X đều xác định tình cảm vợ chồng ông D bà X không còn, hôn nhân không thể hàn gắn được. Xét thấy hôn nhân giữa ông D và bà X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nếu có tiếp tục chung sống cũng không thể có hạnh phúc, vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông D được ly hôn bà X.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị X 02 con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 20/6/1998 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/7/2000. Hiện nay cả 02 con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Ông Nguyễn Hữu D không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Nguyễn Thị X không có lời trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy chưa đủ căn cứ để xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của ông D và bà X. Do đó cần tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào Điều 6, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Ông Nguyễn Hữu D được ly hôn bà Nguyễn Thị X.

[2]. Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Hữu D và bà Nguyễn Thị X 02 con chung là Nguyễn Quang H, sinh ngày 20/6/1998 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/7/2000. Hiện nay cả 02 con chung đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[3]. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003451 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; ông D đã nộp đủ án ly hôn sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/10/2019. Bà Nguyễn Thị X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình; (Giấy chứng nhận kết hôn số: 62 ngày 13/12/1997);
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương